

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH T

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 431/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Lê Thị Phương T, sinh năm 1981.

Hộ khẩu thường trú: ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh T.

- Ông Danh Thanh K, sinh năm 1973.

Hộ khẩu thường trú: Số 308/9/29 đường T, phường 4, thành phố M, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 30 tháng 7 năm 2020, ông Danh Thanh K và bà Lê Thị Phương T thỏa thuận:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Danh Thanh K và bà Lê Thị Phương T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Danh Đăng Q, sinh ngày 13/4/2009. Sau khi ly hôn, ông K và bà T thống nhất giao cháu Q cho bà T nuôi dưỡng. Ông K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng từ tháng 7/2020 cho đến khi cháu Q tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Danh Thanh K và bà Lê Thị Phương T mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân sơ thẩm.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 30 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Danh Thanh K và bà Lê Thị Phương T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Danh Đăng Q, sinh ngày 13/4/2009. Sau khi ly hôn, ông Danh Thanh K và bà Lê Thị Phương T thống nhất giao cháu Q cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng từ tháng 7/2020 cho đến khi cháu Q tròn 18 tuổi, lao động được.

Ông K có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Danh Thanh K tự nguyện chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân sơ thẩm, bà Lê Thị Phương T tự nguyện chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân sơ thẩm. Ông K, bà T mỗi người đã nộp 150.000 đồng tạm ứng lệ phí theo theo các biên lai thu số 0001668 và 0001669 ngày 29/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M được cán trừ xem như đã nộp xong.

Kể từ ngày bà Lê Thị Phương T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Danh Thanh K chậm trả tiền cấp dưỡng thì ông K phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các Điều 6,7

và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. M, TG;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. M, TG;
- Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, TG;
- Ủy ban nhân dân phường 4, TP.M, TG;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ngô Hoàng Huy